

Số: 27/2022/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 25 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn*: Chị Mai Thị Kim N, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh S và chị Mai Thị Kim N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/2017, ngày 16/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/11/2018 và Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 10/11/2020.

Anh Nguyễn Thanh S có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc T,

sinh ngày 12/11/2018. Chị Mai Thị Kim N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 10/11/2020. Anh S, chị N không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh Nguyễn Thanh S đồng ý nộp. Số tiền án phí anh S phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003664 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ anh S được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Y (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Long**